TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2020/HS-ST
Ngày 15-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Tuân**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Kim Tân**

Ông **Hồ Phi Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Châu Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông **Phan Quang Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 168/2019/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; Sinh năm 1996 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 09/10/2019, đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đầu thú. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện X.

2. Họ và tên: **Nguyễn Minh H**; Tên gọi khác: H Bò; Sinh năm 1998 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn N, sinh năm 1972 và bà Hồ Thị Thu J, sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 15/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện X xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng; Bị tạm giam từ ngày 23/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện X.

(*Các bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

- *Bị hại*: Chị BH, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp Thọ Lộc, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.(Vắng)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Bà NLQ, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện X, tỉnh Đồng Nai.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H có mối quan hệ bạn bè, cả hai đều không có việc làm ổn định và là đối tượng nghiện ma túy đã cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vào ngày 15/8/2019, K điều khiển xe mô tô biển số 60B5-047.22 đến nhà H thuộc ấp C, xã T, huyện X chơi. Tại đây, K rủ H đi tìm người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 60B5-047.22 chở K đi trên Tỉnh lộ 763, hướng từ xã T về hướng xã D. Đến khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường gần trạm biến áp điện thuộc ấp D 2, xã D, huyện X, H phát hiện chị BH đang điều khiển xe mô tô biển số 60B5-833.42 chạy cùng chiều phía trước, trên móc gác ba ga bên trái có treo 01 giỏ xách màu cam, H nói với K "có giỏ xách kìa, giờ sao", K trả lời với H "làm luôn". Nghe vậy, H liền điều khiển xe mô tô chạy vượt lên song song về phía bên trái, ép sát xe mô tô của chị BH, lúc này K ngồi sau chồm sang dùng tay phải giật giỏ xách đang treo tại móc gác ba ga phía trước xe mô tô của chị BH. Sau khi giật được giỏ xách H nhanh chóng điều khiển xe mô tô chở K chạy đến khu vực vườn điều văng người thuộc địa phận xã A K và H mở giỏ xách ra kiểm tra thì thấy trong giỏ xách có số tiền 200.000 đồng cùng một bóp da chứa đựng các giấy tờ tùy thân gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 bằng lái xe mô tô đều mang tên BH, 01 thẻ chi trả tiền điện mang tên Nguyễn Thị Kim C và 01 bảo hiểm mang tên Nguyễn Ngọc Quỳnh M. Sau đó, K đem toàn bộ giấy tờ cá nhân trên về nhà K cất giấu, còn số tiền 200.000 đồng, K đem đi mua ma túy về để K và H sử dụng. Do H biết nhà chị BH nên đến chiều cùng ngày, H và K đã đem bóp da cùng giấy tờ tùy thân của chị BH đến bỏ trước sân trường Nguyễn Trãi thuộc ấp D, xã T, huyện X.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda wave S, màu đỏ, đen, xám biển số 60B5-047.2; 01 (một) bóp da màu cam, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) bằng lái xe mô tô đều mang tên BH, 01 thẻ chi trả tiền điện mang tên Nguyễn Thị Kim C và 01 bảo hiểm mang tên Nguyễn Ngọc Quỳnh M; Đối với 01 (một) giỏ xách màu cam cướp giật được của chị BH không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSXL ngày 16 tháng 12 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H về tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H phạm tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị cáo lần đầu phạm tội, bị cáo K đầu thú, có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Bị cáo Nguyễn Minh H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đối với bà NLQ, là mẹ ruột của Nguyễn Văn K. Việc K sử dụng xe mô tô biển số 60B5-047.22 của bà NLQ để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bà NLQ hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X không đưa ra hình thức xử lý là đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Chị BH đã nhận lại giỏ xách và các loại giấy tờ bị chiếm đoạt, riêng số tiền 200.000 đồng trong giỏ xách chị BH không yêu cầu bồi thường. Chị BH đã có đơn bãi nại và không yêu cầu gì thêm về dân sự đối với vụ việc trên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 13 giờ 20 phút ngày 15/8/2019, tại đoạn đường gần trạm biến áp điện thuộc ấp D 2, xã D, huyện X, Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H đã có hành vi cướp giật 1 giỏ xách màu cam của trên móc gác ba ga xe mô tô chị BH, đang điều khiển chạy cùng chiều phía trước rồi nhanh chóng tẩu thoát. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H phạm tội "*Cướp giật tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi điều khiển xe mô tô áp sát người bị hại để cướp giật tài sản, sau đó tăng tốc độ để tẩu thoát làm cho người bị hại bất ngờ và bị động nên có nguy cơ cao gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người bị hại. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo K sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nhân thân chưa tiền án, tiền sự là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đối với xe mô tô biển số 60B5-047.22 thuộc sở hữu của bà NLQ, khi bị cáo sử dụng xe mô tô của bà NLQ để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bà NLQ hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X không đưa ra hình thức xử lý là đúng pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp: Chị BH đã nhận lại giỏ xách và các loại giấy tờ bị chiếm đoạt, riêng số tiền 200.000 đồng trong giỏ xách chị BH không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận phần phù hợp.

[8] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn K** và **Nguyễn Minh H** phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn K 03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh H 03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuân

Nơi nhận:
- *TAND. T.Đồng Nai;*
- *VKSND T.Đồng Nai;*
- *Sở Tư pháp T.Đồng Nai;*
- *Công an H.X;*
- *VKSND H.X;*
- *Chi cục THADS H.X;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Hồ sơ thi hành án;*
- *Lưu AV, HS;*